UBND PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH&THCS TRẦN VĂN ƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/QĐ-TVO

Đông Gia Nghĩa, ngày 26 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai nhận dự toán còn lại của trường học thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại năm 2026

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2026 của Uỷ ban nhân dân Phường Đông Gia Nghĩa, Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 2371/QĐ-UBND ngày 05/11/2026 của UBND phường Đông Gia Nghĩa về việc điều chỉnh dự toán còn lại của các trường học thuộc diện sắp xếp tổ chức lại năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai nhận dự toán còn lại của trường học thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại năm 2026 của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Trần Văn Ơn:

(Theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán và các bộ phận, cá nhân liên quan thuộc trường Tiểu học và Trung học cơ sở Trần Văn Ơn chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

U.B.N.D PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA T. LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ TRẦN VĂN ƠN

Ký bởi: Lê Hữu Vọng
Ngày ký: 26/11/2026 10:35:09
Tổ chức chứng thực: VNPT Certification Authority

Lê Hữu Vọng

Đơn vị: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Trần Văn Ơn **Mẫu biểu số 74**
Chương: 822

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 123/QĐ-TVO ngày 26/11/2026 của trường Tiểu học và Trung học cơ sở Trần Văn Ơn)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
II	**Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại**	
1	***Chi sự nghiệp***	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	
1	**Lệ phí**	
2	**Phí**	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**1.785.992.000**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**1.785.992.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
2.1	***Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ***	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ*	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	***Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ***	
-	*Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo*	
-	*Nhiệm vụ chuyển đổi số*	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**1.785.992.000**
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.150.145.800
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	635.846.200

	Sự nghiệp Tiểu học	**1.785.992.000**
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (Nguồn 13)	**1.150.145.800**
	Các khoản lương, tính chất lương, 3% tăng lương	1.076.400.800
	Chi khác	37.745.000
	Hỗ trợ kinh phí hợp đồng bảo vệ trường học	36.000.000
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	**635.846.200**
	Kinh phí hợp đồng chuyên môn nghiệp vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP (Nguồn 12)	216.000.800
	Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND (Nguồn 12)	10.500.000
	Kinh phí theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP (Nguồn 12)	174.960.000
	Kinh phí dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1 năm học 2026-2027 theo Thông tư số 23/2023/TTBGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ Giáo dục (Nguồn 12)	27.000.000
	Kinh phí bồi dưỡng giáo viên dạy thể dục ngoài trời theo Quyết định 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của thủ tướng Chính phủ (Nguồn 12)	8.354.400
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Nguồn 18)	199.031.000
	Sự nghiệp THCS	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
II	**Nguồn vốn viện trợ**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	

6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	